

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 07/9/2017

V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vi Quốc Thanh

2. Bà Dương Thị Diễm Sương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lăng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc: Bà Huỳnh Thị Châm – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 204/2017/TLST-HN ngày 27 tháng 6 năm 2017 về việc “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2017/QĐXXST – HNGĐ ngày 16/8/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 89/2017/QĐST-HN ngày 24 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1986 (Xin vắng mặt)

Trú tại: Số a, ấp T, xã V, huyện C, tỉnh B.

2. Bị đơn: Nguyễn Trung H, sinh năm 1992 (Vắng không lý do)

Trú tại: ấp T, xã N, huyện M, tỉnh B.

PHẦN NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/6/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày: Chị H và anh Nguyễn Trung H kết hôn vào năm 2016, dựa trên điều kiện quen biết và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Trong quá trình chung sống chị H và anh H thường xảy ra mâu thuẫn và bất đồng trong cuộc sống, bất đồng về việc làm, giờ giấc sinh hoạt. Sau khi chị H sinh con anh hậu không quan tâm chăm sóc vợ con. Nay chị H xin ly hôn do không còn tình cảm với anh H.

Con chung: Cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 01/10/2016 hiện cháu đang sống với chị H. Nay chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/7/2017 anh Nguyễn Trung H trình bày: Anh H và chị H kết hôn vào năm 2016, dựa trên điều kiện quen biết, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N. Anh H và chị H sống hạnh phúc đến khi sinh con thì do công việc buôn bán bận rộn nên vợ chồng không thuận thảo. Nay chị H xin ly hôn anh H không đồng ý vì còn thương vợ thương con. Con chung như H trình bày. Tài sản chung, nợ chung không có.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của hội đồng xét xử tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự trong quá trình thụ lý và giải quyết thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần giải quyết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Xin ly hôn*” theo quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn anh Nguyễn Trung H có nơi cư trú tại xã N, huyện M nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

[2] Nội dung vụ án:

Chị Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn Trung H kết hôn vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim H, chị H cho rằng nguyên nhân vợ chồng mất hạnh phúc là do chị H và anh H bất đồng về quan điểm sống, công việc và thời gian. Ngoài ra, anh H không quan tâm chăm sóc vợ con. Còn anh Nguyễn Trung H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo mở phiên công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H vắng mặt không lý do. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân mất hạnh phúc giữa chị H và anh H thì gia đình xác

nhận nguyên nhân mất hạnh phúc giữa chị H và anh H là do anh H đi sớm về trễ, không quan tâm chăm sóc vợ con. Hội đồng xét xử xét thấy anh H không có thiện chí đến tòa án hòa giải để về đoàn tụ xây dựng gia đình hạnh phúc. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh H không khắc phục được, mục đích hôn nhân giữa hai anh chị không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị H là có căn cứ.

[3] Con chung: Cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 01/10/2016 hiện đang sống chung với anh H và chị H. Anh H đồng ý nếu ly hôn cháu H sống với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Nguyễn Gia H 06 tháng tuổi nên cần để cháu H cho chị H trực tiếp nuôi để đảm bảo về mặt tinh thần và thể chất cho cháu. Chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

[4] Tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kim H, anh Nguyễn Trung H trình bày không có nên không xem xét.

[5] Nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim H, anh Nguyễn Trung H trình bày không có nên không xem xét.

[6] Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Chị Nguyễn Thị Kim H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt với lý do đi làm xa nên căn cứ vào điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H.

Anh Nguyễn Trung H đã được tòa án tổng đặc hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ vào khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 3, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim H.

Chị Nguyễn Thị Kim H được ly hôn với anh Nguyễn Trung H.

2. Về nuôi con chung: Cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 01/10/2016 chị H trực tiếp nuôi cháu H, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không

trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn Trung H trình bày không có nên không xem xét.

4. Nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn Trung H trình bày không có nên không xem xét.

5. Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0008573 ngày 27/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Án phí sung vào công quỹ Nhà nước.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày tòa án tổng đạt bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Võ Thị Hồng Thúy